

DANH MỤC MUA SẴM HÓA CHẤT LỄ

(Đính kèm thông báo số 191/TB-HTTM ngày 10/3/2023)

STT (Trong bảng DM)	Tên sản phẩm/ hàng hóa trong Bảng DM	Phân loại TT/BT	Phân nhóm (TT 14)	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Mã nhóm (TT 04/2017)/ Mã V/TYT theo Quyết định 5086/QĐ BYT ngày 04/11/21	Tên thương mại	Chứng loại/ Mã sản phẩm	Hãng/ Nước sản xuất	Hãng/ Nước Chu sở hữu	Quy cách đóng gói	BYT nhỏ nhất	Số lượng	Bảo Giá (đã VAT)	Thành tiền	Số Quyết định trưng thầu (không quá 120 ngày)	Giá trưng thầu (VNĐ)	Giá kê khai theo ND98	Mã kê khai theo ND98	Số đăng ký/ Giấy phép nhập khẩu/ Phức công bố phân loại
1	2	3	4	5							6	7	8	9=(7*8)	13	14	16	17	
	Định nhóm màu Anti-A (monoclonal)	D	3	1. Công dụng: Định tính các kháng nguyên A trên tế bào hồng cầu của con người 2. Số lượng test: 250 3. Loại mẫu đo: Mẫu đã được chống đông bởi EDTA hoặc heparin 4. Phương pháp đo: Phản ứng ngưng kết kháng nguyên kháng thể 5. Thành phần: Anti A, Cell line 9113D10, Phosphate buffer. Sodium azide <0.1%, Blue colour. Dye used: Patent Blue 6. Dạng sử dụng: chất lỏng 7. Nhiệt độ bảo quản: 2-8°C 8. Hạn sử dụng: 24 tháng 9. Độ bền sau khi mở nắp: Đến khi hết hạn 10. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 CE, FDA 1. Công dụng: Định tính các kháng nguyên AB trên tế bào hồng cầu của con người 2. Số lượng test: 250 3. Loại mẫu đo: Mẫu đã được chống đông bởi EDTA hoặc heparin 4. Phương pháp đo: Phản ứng ngưng kết kháng nguyên kháng thể 5. Thành phần: Anti A+B, Cell line 152D12+9113D10, Phosphate buffer. Sodium azide <0.1%, Colourless. 6. Dạng sử dụng: chất lỏng 7. Nhiệt độ bảo quản: 2-8°C 8. Hạn sử dụng: 24 tháng 9. Độ bền sau khi mở nắp: Đến khi hết hạn 10. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485						ml	12.000		0,00						
2	Định nhóm màu Anti-A+B (monoclonal)	D	3								ml	150		0,00					
	Định nhóm máu Anti-B (monoclonal)	D	3	Kháng thể đơn dòng Anti B (dòng 9621A8), Sodium azide < 0.1% w/v. Bảo quản 2-8oC. Lọ 10 ml.							ml	12.000		0,00					
4	Anti D	D	3	Có giấy phép lưu hành, clone P3x61, Sodium azide < 0.1% w/v. Tiêu chuẩn G7							ml	4.000		0,00					
5	Anti-human Globulin (polycl.)	D	3	Clone 18833+18896+120111D10, Sodium azide < 0.1% w/v.							ml	5.000		0,00					
6	Chloramin B	A	3	Chứa chlor hoạt tính ≥ 25%. Dạng bột khô, mịn, màu trắng, có mùi Clo đặc trưng. Tan nhanh trong nước tạo dung dịch có hoạt tính diệt khuẩn bề mặt, khử khuẩn nước.							kg	105		0,00					
7	Chlorin	A	6	Chlorin (CaOCl)2 70% dạng bột. Dung sát trùng nước, khử mùi, xử lý nước.							kg	90		0,00					
8	Còn 96 độ	A	6	chất lỏng trong không màu để bay hơi vì nóng, hàm lượng ethanol từ 95,1% đến 96,9% SP đạt tiêu chuẩn TCCS							Lít	500		0,00					
9	Còn 70 độ	A	5	Sắt khuẩn - Tẩy vết bẩn thông thường - Sử dụng để sát khuẩn tay, dùng cụ trong gia đình, v.v							Lít	11.000		0,00					
10	Còn tuyệt đối	A	6	99,5 %							ml	50.000		0,00					
11	Dầu sợi kính hiện vi	A	6	Dầu sợi kính hiện vi							ml	2.000		0,00					



